

VÀI NÉT VỀ CHI BỘ CỘNG SẢN NHÀ NGỤC SƠN LA (12/1939 - 8/1945)

PHẠM VĂN LỰC*

Ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt trong lao tù của đế quốc (12-1939), nhưng ngay từ khi thành lập, Chi bộ Cộng sản Nhà ngục Sơn La đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giác ngộ cách mạng đối với quần chúng, gây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào các dân tộc bên ngoài nhà tù, đấu tranh để tự giải thoát và lãnh đạo nhân dân các dân tộc Sơn La khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945 thắng lợi. Kết quả này có thể nói là mẫu mực của việc triển khai, vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối cách mạng của Đảng vào địa phương miền núi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ dân trí thấp.

1. Nhà ngục Sơn La và cuộc đấu tranh của các chiến sĩ Cộng sản đến tháng 12-1939

Sơn La là một tỉnh ở trung tâm khu vực Tây Bắc, địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt "Lam sơn chướng khí", đầu thế kỷ XX giao thông chưa phát triển, ở đây lại có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, bất đồng về ngôn ngữ; đặc biệt hầu hết đồng bào các dân tộc Sơn La lúc đó đều không biết tiếng phổ thông. Có thể nói, Sơn La lúc ấy trong tiềm thức mọi người nghe thật rùng rợn:

"Ai lên Hát Lót, Chiềng Lè

Ngày đi thì có, ngày về thì không".

Từ năm 1908 thực dân Pháp đã cho xây dựng ở trung tâm Thị xã Sơn La một nhà tù, lúc đầu để giam tù thường phạm, tiếng Thái gọi là nhà tối (hươn mụt).

Theo thiết kế của Sở kiến trúc trực thuộc Nha Công chính Bắc Kỳ (10-1907) Nhà tù Sơn La được xây dựng có diện tích 500m²; gồm có 2 buồng giam lớn, 4 buồng giam nhỏ (1). Ngay từ khi đặt những viên gạch đầu tiên cho việc xây dựng nhà tù, thực dân Pháp đã nghiên cứu, thiết kế khu nhà chèo này rất đặc biệt. Tường nhà tù được xây bằng đá hộc, mái lợp tôn, bực tù cũng được xây bằng đá hộc, mặt láng xi măng, mép ngoài cùng có gắn cùm dài bằng chiều dài của bực. Với lối kiến trúc này, khu nhà đã tạo ra không khí đặc biệt: mùa hè nóng như thiêu như đốt, mùa đông lạnh thấu xương.

Liên với buồng giam là buồng để tù chết. Trong mỗi buồng giam đều có thùng đựng phân không có nắp đậy. Xà lim vốn đã chật chội, ngột ngạt lại thêm mùi phân nồng nặc, không khí bị ô nhiễm, người tù bị giam trong đó rất khó chịu. Cách thiết kế này đã đe dọa trực tiếp tâm lý người bị giam ở đây. Với số tù nhân khá đông nhốt trong 1 xà lim chật hẹp, suốt ngày đêm phải ngửi mùi phân nồng nặc sẽ khiến người bị nhốt trong đó có cảm giác về một cuộc sống ê chề tởm

* TS. Trường Đại học Tây Bắc

lợm để dẫn đến những ý nghĩ bi quan tiêu cực, chán đời. Thêm vào đó thực dân Pháp còn lợi dụng sự khắc nghiệt của tự nhiên để dùng muỗi rừng Anôphen và một loạt “hố xí nổi” trong phòng giam làm nơi truyền bệnh nhanh chóng.

Từ năm 1930, lợi dụng hiểm thế của Sơn La thực dân Pháp đã biến nơi đây thành nơi đày ải các chiến sĩ cách mạng. Cuối năm 1930, đoàn tù chính trị đầu tiên gồm 24 người đã bị thực dân Pháp đưa lên giam giữ ở đây; thành phần tù nhân lúc này có cả tù chính trị “cộng sản” và tù Quốc dân đảng (2).

Cuối năm 1931 (sau cao trào cách mạng 1930-1931), chúng tiếp tục đưa hai đoàn tù có 90 người từ nhà giam Hoà Lò (Hà Nội) lên giam giữ ở Sơn La.

Tháng 2-1933 đoàn tù chính trị thứ 4 gồm 210 người lại bị thực dân Pháp đày lên ngục Sơn La, trong đó có các đồng chí Vũ Thiện Chân (tức Chân Búa), Tư Nghị (tức Giang Ký). Đến cuối năm 1933, tổng số tù chính trị bị thực dân Pháp đưa lên giam giữ ở ngục Sơn La là 324 người.

Sự có mặt của các đoàn tù chính trị đã làm thay đổi hẳn tính chất của Nhà tù Sơn La. Nhà tù Sơn La không còn là nhà tù hàng tỉnh dùng để giam giữ tù thường phạm nữa mà đã bị thực dân Pháp biến thành một trung tâm giam giữ, đày ải tù chính trị lớn ở phía Bắc Việt Nam và Đông Dương. Cuối năm 1930, thực dân Pháp cho mở rộng Ngục Sơn La ra phía sau gấp 3 lần diện tích thiết kế ban đầu từ 500m² (1908) lên 1500m² (1930) (3). Tường bao quanh nhà tù cũng được xây dựng xong cùng với hệ thống nhà giam mới, gồm 5 nhà giam chính, 4 lô cốt có chòi canh ở 4 góc và một số gian dùng làm xưởng xay lúa, nhà kho, bếp, nhà thuốc và bàn giấy. Phía trong

tường bao có một đường để lính gác đi tuần. Đặc biệt, trong đợt mở rộng này, chúng xây một dãy xà lim ngầm nằm sâu dưới đất 3,5m, gồm 8 xà lim và một buồng giam có một lối đi hẹp qua các xà lim. Trong buồng tối, có cùm sắt tập thể gắn chặt vào bọc giam từ 3-5 người trên một diện tích hơn 8m². Trên cánh cửa bằng gỗ kiên cố có một lỗ nhỏ trông ra lối đi. Mỗi buồng tối còn có một cửa sắt, có ổ khoá lớn. Buồng xà lim cá nhân rất hẹp (1,68m²) có bệ nằm dài 1m gắn cùm sắt. Đầu bệ có một hốc liền với bọc, trên để cơm, nước, dưới để bô đựng phân và nước tiểu. Mỗi xà lim cá nhân có một lỗ thông hơi nhỏ, khi cánh cửa gỗ đóng lại thì mỗi xà lim cá nhân biến thành một hộp kín, người tù nằm không tựa quạt được và cũng khó phân biệt được ngày và đêm.

Đối diện với dãy hầm ngầm là một bể lớn chứa nước chìm sâu dưới đất. Toàn bộ khu xà lim này chỉ có một lối xuống bằng 21 bậc đá nhỏ hẹp, có một cửa sắt kiên cố ngày đêm khoá chặt, khiến cho không khí trong xà lim ngầm lúc nào cũng ẩm ướt, hôi hám và về ban đêm thì rất lạnh.

Khu nhà bếp được chúng xây dựng ngay trên trại lớn cũ, lối lên xuống hầm ngầm nằm ngay dưới bếp. Những tù nhân mới đến khó có thể phát hiện ra dãy hầm ngầm và lối lên xuống của nó.

Với lối xây dựng như trên, ác ý của kẻ thù là làm cho tinh thần những người bị giam luôn căng thẳng. Thời tiết khắc nghiệt, nhà giam u ám, chế độ quản lý nhà tù hà khắc để làm cho tù nhân giảm sút nghị lực và ý chí.

Để đúng với bản chất của nó, từ năm 1930, thực dân Pháp cũng đổi tên gọi Nhà tù Sơn La thành Ngục Sơn La (từ Prison đổi thành Pentencier).

Âm mưu thâm độc đó đã được tên công sứ Sanhpulóp (Saint Pouloupe) nói rất rõ trong báo cáo gửi thống sứ Bắc Kỳ:

“... Chỉ cần một thời gian không lâu, sốt rét, bệnh tật và công việc khổ sai sẽ tiêu hao chúng (tức tù chính trị) một cách êm thấm”. Một báo cáo khác, tên này lại quả quyết rằng: “Chỉ 6 tháng, vi trùng sốt rét sẽ làm cho chúng (các tù chính trị) trở nên hiền lành, để bảo ...” (4).

Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng chống đế quốc phong kiến của nhân dân ta, nhiều quân chúng ưu tú và chiến sĩ kiên trung của Đảng bị thực dân Pháp bắt và đày lên Sơn La. Trước sự đông đảo của tù chính trị, đầu năm 1940 thực dân Pháp lại cho mở rộng Nhà ngục Sơn La lần thứ hai. Lần này chúng cho xây thêm một trại giam lớn gồm 3 gian cạnh trại lính khố xanh và giành một trại giam nhỏ cho những người thuộc loại an trí (những cán bộ cách mạng đưa đi tập trung mà không xử án), gọi là trại tập trung (Camp de concentration).

Ngục Sơn La được mở rộng đồng thời cùng với nhiều nhà giam khác trong cả nước nhưng vẫn không đủ chỗ để giam cầm các chiến sĩ cách mạng. Trong việc xây dựng và mở rộng nhà tù, thực dân Pháp đặc biệt chú ý tới các nhà tù: Côn Đảo, Sơn La và Buôn Ma Thuột. Một nhà tù được xây dựng trên một hòn đảo chơi vơi giữa biển cả mênh mông, hai nhà tù xây dựng giữa vùng rừng núi hoang vu, hiểm trở. Cả ba nhà tù đều ở vào thế biệt lập với xã hội. Do đó, mọi hoạt động của các chiến sĩ cách mạng gặp rất nhiều khó khăn.

Như vậy, ban đầu từ một nhà tù hàng tình dùng để giam giữ tù thường phạm, Nhà tù Sơn La đã được thực dân Pháp biến thành Ngục Sơn La - một trung tâm giam

giữ, đày ải tù chính trị lớn ở phía Bắc Việt Nam và Đông Dương. Được thiết kế theo kiểu nhà ngục, cộng với chế độ lao tù tàn bạo và sự khắc nghiệt của khí hậu thời tiết đã làm cho cuộc sống của các chiến sĩ cộng sản bị đày ải ở đây trở nên cùng cực là “địa ngục” của trần gian.

Thế nhưng, ngay từ những ngày đầu đặt chân lên Sơn La, mặc dù chưa thành lập được Chi bộ trong tù, lại chưa thông thạo địa hình nhưng cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù tàn bạo của các chiến sĩ cộng sản vẫn diễn ra mạnh mẽ và quyết liệt.

Mở đầu là cuộc đấu tranh của anh em tù chính trị diễn ra vào tháng 12-1930 đòi cải thiện chế độ lao tù, chống đánh đập và đòi phải phát thêm quần áo ấm để lao động. Tiếp đến là cuộc đấu tranh của tù chính trị 10-1933 đưa yêu sách cho Toàn quyền Đông Dương Pátskiê (Pasquier) khi tên này lên Sơn La dự buổi khai trương đường Sanh Pu Lốp (Quốc lộ 6 hiện nay) và kiểm tra lại âm mưu giết hại những người cộng sản ở Nhà tù Sơn La... Trong thời gian từ 1934-1935, thực dân Pháp lại đưa hai đoàn tù chính trị hơn 100 người lên Sơn La, trong đó có các đồng chí Sao Đỏ (tức Nguyễn Lương Bằng), Đặng Việt Châu, Phạm Quang Lịch... Cũng có đồng chí bị đày lên Sơn La lần thứ hai như đồng chí Trương Chinh, Bùi Vũ Trụ... Do bị giam cầm qua nhiều nhà tù đế quốc, một số đồng chí đã phải trải qua những cuộc đấu tranh sinh tử với quân thù, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh trong tù, nhất là hai đồng chí Nguyễn Lương Bằng và Phạm Quang Lịch. Đứng trước tình hình đó, tổ chức đại diện tù chính trị đã vận động anh em đấu tranh chống chế độ lao động khổ sai, đòi được hưởng chế độ tù chính trị. Do thái độ đấu tranh kiên quyết khôn khéo của ta, kẻ địch đã phải giảm hình phạt lao

động khổ sai cho tù chính trị. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đã góp phần khẳng định thêm tác dụng và tầm quan trọng của cuộc đấu tranh trong tù của các chiến sĩ cộng sản.

Từ năm 1935, lợi dụng Mặt trận Bình dân Pháp lên Sơn La điều tra về sự ngược đãi của thực dân Pháp đối với tù nhân và yêu cầu bọn cai ngục phải ân xá cho chính trị phạm... các chiến sĩ cộng sản đã tìm cách gửi đơn cho phái đoàn điều tra vạch trần tội ác của chúng. Kết quả, bọn chúa ngục ở Sơn La buộc phải ân xá cho tù chính trị "... Đợt 1 vào tháng 7-1936 có 35 tù chính trị được đưa về Hà Nội; đợt thứ hai có thêm 60 người được ân xá đưa về Hà Nội... Ngục Sơn La lúc này gần như bị giải thể chỉ còn một số ít tù chính trị đó là các đồng chí Nguyễn Lương Bằng và đồng chí Phạm Quang Lịch, Hoàng Đình Dong bị kết án nặng 20 năm khổ sai cùng 4 người tù Quốc dân đảng bị coi là những phần tử "nguy hiểm" không được ân xá..." (5).

Thực tế đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản Ngục Sơn La cho thấy sự cần thiết phải thành lập được Chi bộ Cộng sản trong tù để tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản mới có thể giành được thắng lợi; tuyên truyền giác ngộ cách mạng đối với đồng bào các dân tộc, tiến tới gây dựng cơ sở cách mạng bên ngoài nhà tù. Có thể nói, đây là đòi hỏi bức thiết của cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản nhà ngục và phong trào cách mạng Sơn La lúc này.

2. Chi bộ Cộng sản Nhà ngục Sơn La thành lập và lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương (12/1939 - 3/1945)

Trong khi các cuộc đấu tranh tự phát của nhân dân các dân tộc vẫn liên tục diễn ra thì tháng 12-1939 đoàn tù chính trị thứ

7 lại bị thực dân Pháp đày lên Sơn La, trong đó có một số đồng chí là cán bộ ưu tú và quần chúng kiên trung của Đảng đã trải qua các nhà tù đế quốc, trải qua các cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù, có kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh trong tù. Các đồng chí thấy rõ sự cần thiết phải gấp rút thành lập Chi bộ cộng sản để lãnh đạo và tổ chức cuộc đấu tranh trong nhà tù mới có thể giành thắng lợi.

Trên tinh thần đó tháng 12-1939 các đảng viên trong nhà tù đã họp và bí mật thành lập Chi bộ Cộng sản lâm thời gồm 10 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng được cử làm Bí thư Chi bộ (6).

Năm 1940, thực dân Pháp tiếp tục đưa hai đoàn tù chính trị nữa lên Sơn La, trong đó có các đồng chí Văn Tiến Dũng, Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Phúc, Tô Hiệu, Ngô Minh Loan, Lê Quang Hoà.

Mỗi năm tù chính trị bị đày lên giam cầm ở Sơn La càng đông, thực dân Pháp phải liên tục cho mở rộng nhà tù. Chúng còn tìm cách "... rút bớt khẩu phần ăn, bắt tù nhân phải lao động cực nhọc, mọi sơ suất trong công việc và sinh hoạt đều bị chúng đánh đập tàn nhẫn. Không ít những chiến sĩ cách mạng đấu tranh đã bị chúng đưa xuống xà lim ngâm và bị tra tấn cực hình..." (7).

Để tổ chức và lãnh đạo anh em đấu tranh chống chế độ lao tù tàn bạo của đế quốc Pháp, tháng 2/1940 Chi bộ cộng sản lâm thời Ngục Sơn La được chuyển thành chi bộ chính thức, đồng chí Trần Huy Liệu được cử làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Tô Hiệu làm Chi uỷ viên.

Đến tháng 5-1940, chi uỷ bí mật triệu tập Đại hội Chi bộ để thảo luận, quyết định các chủ trương công tác. Đồng chí Tô Hiệu

được bầu làm Bí thư Chi bộ. Đại hội đã đề ra 5 nhiệm vụ công tác lớn, đó là:

1. Chi bộ lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà tù.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên và quần chúng.

3. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện đảng viên về lí luận Mác - Lê nin và phương pháp đấu tranh cách mạng trong nhà tù.

4. Xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng bên trong và bên ngoài nhà ngục.

5. Tìm cách bắt liên lạc với xứ uỷ và Trung ương Đảng để xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên đối với chi bộ nhà tù.

Ngay từ khi ra đời, Chi bộ Nhà tù Sơn La đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giác ngộ cách mạng đối với quần chúng, gây dựng các cơ sở cách mạng trong đồng bào các dân tộc. Trên cơ sở nghị quyết của Chi bộ, dựa vào đường lối chuyển hướng chiến lược cách mạng trong thời kỳ mới của Trung ương và tình hình thực tế ở địa phương, Chi ủy, Chi bộ Nhà tù Sơn La chủ trương:

+ Tăng cường tuyên truyền vận động, xây dựng cơ sở cách mạng ở bên ngoài nhà tù, tiến tới vũ trang khởi nghĩa ở Sơn La khi có đủ điều kiện.

+ Tích cực đào tạo cán bộ, tổ chức vượt ngục, đưa cán bộ ra ngoài hoạt động.

Để đạt được mục đích trên, Chi bộ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi người hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ mới. Chi ủy tổ chức viết lại tinh thần nghị quyết Trung ương 8 để làm tài liệu học tập trong Chi bộ và phổ biến rộng

rãi cho quần chúng; ra báo "Suối reo" góp phần tuyên truyền vận động cách mạng khiến mọi người rất phấn khởi, tin tưởng. Đặc biệt, để công tác tuyên truyền cách mạng mang lại hiệu quả cao, Chi ủy còn lập ra các ban: tù vận, binh vận, dân vận

Do có chủ trương đúng đắn, phù hợp nên chỉ trong một thời gian ngắn Chi bộ Nhà ngục Sơn La đã cảm hoá được nhiều quần chúng, thanh niên tích cực trở thành hạt nhân để gây dựng phong trào, tiêu biểu như: Lò Văn Sơn (lính khổ xanh), Quán Mười, Đội Thát, Đội Thê (tức Toản), Đội Chính (tức Cẩm Hiên), Cai Piêng, Cẩm Văn Inh (y tá), Bình Chung (tức Di báo), Bé Nhật Huấn (công chức làm việc ở Tòa sứ), Phán Du, Giáo Đức và bà Quảng Thị Khiêu, ông Lò Văn Hạc, ông Tòng Văn Đồi, bà Lò Thị Dọn (ở phố Chiềng Lê), Tòng Văn Đồi, Lò Thị Dọn (Mường La)... Kết quả đầu năm 1943 hai tổ chức cách mạng đầu tiên trong đồng bào Thái ở Sơn La đã được thành lập, đó là:

+ Tổ thanh niên Thái cứu quốc ở tỉnh lỵ (tiếng Thái gọi là Mú Nóm chất mương), gồm có: Chu Văn Thịnh, Tòng Lanh, Nguyễn Phúc, Quảng Đôn, do Chu Văn Thịnh phụ trách.

+ Tổ Thanh niên Thái cứu quốc ở châu Mường La (tiếng Thái gọi là Mú Nóm chất mương) gồm có: Cẩm Văn Thịnh, Lò Văn Giá, Lò Văn Phui, Lô Xuân, do Cẩm Văn Thịnh phụ trách (8).

Hai tổ chức thanh niên cứu quốc này hoạt động theo nguyên tắc và điều lệ của Đội Thanh niên cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Với nhiệm vụ tuyên truyền, vận động và xây dựng các tổ chức cách mạng ở địa phương. Có thể nói, Hội người Thái cứu quốc và Đội Thanh niên Thái cứu quốc thực sự là chiếc cầu nối giữa Đảng với đồng bào

các dân tộc; hai tổ chức này được sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ nhà ngục, tiếp nhận chủ trương đường lối của Đảng từ Chi bộ Nhà tù Sơn La, tuyên truyền ánh sáng cách mạng, tập hợp, đoàn kết quần chúng để tỏa rộng và phát triển phong trào trong toàn tỉnh.

Theo chủ trương của Chi bộ nhà tù, Đội Thanh niên Thái cứu quốc ở Mường La đã bắt tay vào vận động quần chúng ở bản Thái ở xã Chiềng Xôm (nay là Huyện Mường La) đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, đòi giảm thuế, giảm ruộng chức, bớt đóng góp thóc kho. Đặc biệt, ngày 5-8-1943, Chi bộ nhà ngục đã bố trí cho 4 đồng chí: Nguyễn Tuấn Đáng (tức Trần Đăng Ninh), Nguyễn Văn Trân (bí danh là Diệu), Lưu Đức Hiểu (tức Lưu Quyên), Nguyễn Lương Bằng vượt ngục thắng lợi; người dẫn đường là Lò Văn Giá - Đoàn viên Thanh niên cứu quốc Mường La.

Cuối năm 1943 đầu năm 1944, để đáp ứng sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương và cả nước, Chi bộ Nhà Ngục Sơn La chủ trương xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Sơn La và cử đồng chí Chu Văn Thịnh đi khảo sát tình hình chọn địa điểm.

Xã Mường Chanh thuộc thượng nguồn suối Nậm Na, cách thị xã khoảng 20 km, có mạng lưới giao thông thuận tiện. Từ Mường Chanh có thể đi lên Thuận Châu, có thể sang sông Mã, tới Thượng Lào, vào Thanh Hóa, Nghệ An; có thể xuống Mai Sơn ra đường 41 (nay là Quốc lộ 6), mạng lưới giao thông ấy đảm bảo việc tiến, thoái, cơ động và bí mật; nhân dân Mường Chanh giàu truyền thống yêu nước, căm thù đế quốc thực dân và bọn phiá, tạo tay sai; đây lại là địa phương có nhiều quần chúng là những thanh niên học sinh, công chức học tập và làm việc ở thị xã Sơn La được Chi bộ

nhà tù (thông qua đồng chí Bình Trung và Bé Nhật Huấn) tuyên truyền giác ngộ trở thành hạt nhân để gây dựng phong trào. Với lợi thế đó, Mường Chanh đã được Chi bộ nhà tù Sơn La đặt hướng lâu dài xây dựng thành căn cứ địa cách mạng, mà trước tiên là xây dựng Mường Chanh thành cơ sở để có chỗ làm nơi liên lạc với Trung ương và nơi trú chân cho các đồng chí trong tù vượt ngục (9).

Được sự chỉ đạo của Chi bộ nhà tù, đồng chí Chu Văn Thịnh đã tới Mường Chanh tuyên truyền gây dựng cơ sở cách mạng; cuối năm 1943, Hội người Thái cứu quốc (Tiếng Thái gọi là Côn tay chắt mương) gồm 12 hội viên đã được thành lập. Ngay từ khi thành lập Hội người Thái cứu quốc ở Mường Chanh đã phát huy ảnh hưởng tốt trong quần chúng nông dân. Hội đã có nhiều hình thức vận động nửa công khai nửa bí mật để giác ngộ quần chúng, phát triển hội viên mới. Hội đã hướng dẫn các "Hội dệt anh" (Hội kết nghĩa anh em thành lập từ năm 1939) đoàn kết đấu tranh đòi bớt phu, giảm thuế, chống phiá, tạo địa phương lợi dụng quyền thế hà lạm nhân dân... Trước tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Tòa sứ Sơn La buộc phải cử phó sứ Valăngxô xuống tận nơi tuyên bố chấp nhận yêu cầu của quần chúng và cách chức chức dịch mới ở Mường Chanh cuộc đấu tranh đã thu được thắng lợi.

Trên cơ sở đó, Hội người Thái cứu quốc Mường Chanh tiếp tục đẩy phong trào lên cao hơn. Vụ thuế năm 1944, họ đã đấu tranh với phiá giành được 14 con trâu, 50 con lợn, 10 tấn lúa rồi đem một phần chia cho quần chúng, phần còn lại nhập quỹ Hội.

Để bảo vệ những cuộc đấu tranh của quần chúng Hội còn tổ chức Đội tự vệ bí mật do Cầm Vĩnh Chi chỉ huy. Chính từ tổ

chức này đã tạo cơ sở, nền tảng cho sự ra đời một hình thức đấu tranh mới - đấu tranh vũ trang của quần chúng. Đội tự vệ bí mật ra đời đã kịp thời trấn áp bọn tay sai, mật thám chuyên đi dò la tin tức cho địch, đội đã khống chế được cả tên phía đứng đầu vùng. Từ Mường Chanh phong trào đã nhanh chóng ảnh hưởng tới các địa phương trong tỉnh như: Bản Lâm, Xanh Pài (thuộc xã Tranh Đấu - Thuận Châu), Mường Lâm (sông Mã) (10).

Có thể nói, sự ra đời của các tổ chức cách mạng trong đồng bào Thái ở Thị Xã, Mường La, Mường Chanh cuối năm 1943 đầu năm 1944 đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của phong trào cách mạng Sơn La. Đặc biệt sự ra đời của Đội du kích Mường Chanh đã chứng tỏ bước phát triển nhảy vọt về chất của phong trào cách mạng Sơn La dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Nhà ngục Sơn La - một hình thức đấu tranh mới, đấu tranh vũ trang đã xuất hiện, tạo ưu thế cho phong trào của quần chúng ngày càng phát triển mạnh mẽ về sau này.

Từ đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ Hai bước vào giai đoạn cuối với ưu thế thuộc về quân đồng minh. Phe phát xít bị đẩy lui khỏi nhiều chiến trường khiến kẻ địch lo sợ Nhật - Pháp vẫn tạm thời hòa hoãn với nhau; nhưng "sự hòa hoãn có khác chỉ một cái nhọt bọc chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín là vỡ tung ra".

Ở Việt Nam tình thế cách mạng trực tiếp đã chín muồi. Khủng hoảng chính trị ở địa phương ngày càng trầm trọng. Phong trào chiến tranh du kích ở các chiến khu với phong trào quần chúng nông thôn và thành thị kết hợp chặt chẽ, tạo nên một không khí sục sôi cách mạng, chờ ngày hành động.

Tại Nhà ngục Sơn La, với sự nhạy cảm của các chiến sĩ cộng sản và qua tin tức từ các cơ sở bên ngoài Chi bộ đã nắm bắt được những diễn biến của tình hình và đi đến nhận định: Nếu Nhật đảo chính Pháp thì Pháp sẽ có hai thái độ đối với tù nhân. Một là giữ thái độ ôn hòa bên ngoài nhưng bên trong tiếp tục quản lý chặt chẽ tù nhân, rút bớt khẩu phần và không cho tù nhân ra ngoài như trước. Hai là chúng sẽ thẳng tay đàn áp, tàn sát trước khi Nhật đến. Từ những nhận định đó, Chi bộ chủ trương phải hết sức tỉnh táo, thận trọng, tránh khiêu khích hoặc bị khiêu khích tiếp tục chuẩn bị cho mọi điều kiện về tinh thần, vật chất chu đáo, xây dựng lực lượng mạnh cho dù tình hình bình thường hay có tình huống xấu. Chỉ có xây dựng lực lượng và được tổ chức tốt mới đáp ứng được đòi hỏi khi thời cơ đến.

Từ chủ trương trên, mọi hoạt động chuẩn bị trong nhà tù được tiến hành một cách khẩn trương nhưng cũng hết sức bí mật. Ban kinh tế chuẩn bị lương thực, thực phẩm, quỹ dự trữ, ban cứu tế chuẩn bị thuốc men, tăng cường chữa bệnh, bồi dưỡng sức khỏe cho tù nhân yếu; ban quân sự tăng cường luyện tập quân sự, tự tạo và cất giấu vũ khí; ban binh vận tăng cường tiếp xúc, gây cơ sở trong binh lính, nắm tình hình, bàn kế hoạch phối hợp hoạt động; các cơ sở Việt Minh ở tỉnh lỵ, Mường La, Mường Chanh, và các vùng xung quanh tiếp tục được củng cố và tăng cường chỉ đạo.

Ngày 09-3-1945, Nhật đảo chính lật đổ Pháp, trước tình hình đó, Chi ủy Nhà ngục Sơn La đã họp mở rộng với ban lãnh đạo nhà ngục đề ra kế hoạch lãnh đạo tư tưởng và tổ chức chuẩn bị thoát ngục khi có điều kiện thuận lợi.

Qua tiếp xúc, Chi bộ nắm được âm mưu của Pháp muốn biến tù chính trị ở Sơn La

thành lực lượng chiến đấu chống Nhật lâu dài. Bằng phương pháp đấu tranh mềm dẻo, hợp lý, hợp tình, phân tích kỹ xu thế phát triển của tình hình và qua thái độ của bọn cai ngục, binh lính, Chi bộ đã đi đến chủ trương:

1. Hợp tác với Pháp để chống Nhật, nhưng thực chất tranh thủ cơ hội được tự do, tìm mọi cách nhanh chóng trở về với Đảng để tham gia phong trào cách mạng.

2. Yêu cầu thực dân Pháp thả toàn bộ tù chính trị.

Thực hiện chủ trương trên, ban lãnh đạo nhà ngục cũ 18 đồng chí làm nhiệm vụ hợp tác với Pháp. Thực dân Pháp đã lợi dụng các đồng chí làm nhiệm vụ quân báo đi trước điều tra tình hình Nhật. Các đồng chí đã thống nhất kế hoạch và khéo léo thoát khỏi sự kiểm soát của chúng trở về với phong trào cách mạng đang sôi sục trong cả nước (11).

Dưới áp lực đấu tranh của tù chính trị ở Sơn La, trước khí thế cách mạng dâng cao

trong cả nước, tại Nhà ngục Sơn La chiều ngày 17-3-1945, giám ngục Lơ Bông buộc phải thông báo lịch di chuyển tù nhân chuyển toàn bộ tù Sơn La về trại giam ở Nghĩa Lộ. Trên đường đi, được tin toàn bộ tù nhân ở Nghĩa Lộ đã phá cổng tự giải thoát, giám ngục Lơ Bông và tên Tây Đuan sợ hãi bỏ chạy, ban lãnh đạo tù đã quyết định chớp thời cơ vừa tiếp tục đội ngũ, vừa gặp gỡ tuyên truyền, thuyết phục binh lính, yêu cầu ai đi theo cách mạng thì cầm súng đi cùng, còn ai không theo cách mạng thì trao lại súng và được tự do. Đến Tú Lệ, ban lãnh đạo tuyên bố: "Đến đây tất cả tù nhân đã được thoát khỏi ngục tù, thành lập các nhóm tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ uỷ và tổ chức đảng ở địa phương để hoạt động".

Như vậy, nhờ cảm quan cách mạng, gần 200 cán bộ đã thoát ngục trở về với Đảng, với nhân dân, tham gia lãnh đạo phong trào, tiến tới Tổng khởi tháng Tám năm 1945.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3), (4), (5), (7), (11). *Nhà tù Sơn La (1908-1945)*. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Sơn La, 1982, tr. 33, 41, 44, 49, 61, 53, 66.

(6). *Lịch sử đảng bộ tỉnh Sơn La (Tập 1)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 33.

(8). Các hồi ký, hồi ức, hồi tưởng của các cán bộ lão thành cách mạng Sơn La, tài liệu lưu tại Bảo tàng Sơn La.

(9), (10). Tài liệu điền dã tại Khu căn cứ địa cách mạng Mường Chanh 12-2007.